

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẤT ĐỎ
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2022/DS – ST

Ngày: 17-3-2022

V/v Tranh chấp

Hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẤT ĐỎ, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Dung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đoàn Thị Ngọc Hiệp

2. Bà Dương Thị Được

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Hoàn – Thư ký Toà án nhân dân huyện Đất Đỏ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đất Đỏ tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Khuê - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 129/2021/TLST-DS ngày 21 tháng 12 năm 2021 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2022/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Lâm Thảo V, sinh năm: 1989. Địa chỉ: ấp, xã Phước Long Thọ, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (có mặt).

2. *Bị đơn:* Bà Võ Thị H, sinh năm 1976. Địa chỉ: ấp P, xã Phước Long Thọ, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có mặt).

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

3.1 Ông Nguyễn Tấn T, sinh năm 1970; địa chỉ: ấp P, xã Phước Long Thọ, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có mặt).

3.2 Ông Phạm Minh H, sinh năm 1984; địa chỉ: ấp P, xã Phước Long Thọ, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02/7/2021, bản tự khai, biên bản hòa giải, biên bản đối chất và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Lâm Thảo V trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết lâu năm với nhau nên ngày 26/6/2020, bà V có cho bà H vay số tiền là 84.500.000 đồng (Tám mươi bốn triệu năm trăm nghìn đồng). Khi vay hai bên ký Hợp đồng vay tiền tại Văn phòng công chứng Lam Sơn, huyện Đất Đỏ. Tại hợp đồng thỏa thuận: thời hạn vay tiền là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Lãi suất là hai bên thỏa thuận theo Ngân hàng nhà nước. Mục đích vay là để bà H kinh doanh. Bà V đã giao tiền cho bà H nhiều lần tại nhà bà V và việc giao nhận tiền không lập biên bản mà chỉ tổng hợp thành số tiền tại Hợp đồng trên. Khi bà H vay không cầm cố, thế chấp tài sản gì.

Trong quá trình vay, bà H chưa trả khoản tiền gốc và lãi nào nên bà yêu cầu bà H phải trả số tiền gốc là 84.500.000 đồng (Tám mươi tư triệu năm trăm nghìn đồng), tôi không yêu cầu lãi suất. Bà xác định đây là tiền riêng của bà, không phải tài sản chung vợ chồng nên không liên quan gì đến ông Phạm Minh H - chồng bà cũng như ông Nguyễn Tấn T – chồng bà H.

Đối với chứng cứ mà bà H nộp cho Tòa án đề ngày 30/11/2019, có nội dung “Tôi có vay 47 triệu, đưa Thảo trả trước 20 triệu, còn lại 27 triệu” có chữ ký của bà V và bà H. Bà V xác nhận là có việc này nhưng là giai đoạn trước công chứng, sau đó bà H mượn thêm vài lần nữa và hai bên đã chốt số nợ là 84.500.000 đồng. Từ khi tiến hành công chứng hợp đồng vay tiền đến nay thì bà H chưa trả khoản tiền gốc và lãi nào cho bà V, kể cả số tiền bà H trình bày là đã giao hơn 100.000.000 đồng tiền lãi.

Về án phí đề nghị bà H phải chịu theo quy định.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải, biên bản đối chất và tại phiên tòa, bị đơn bà Võ Thị H trình bày:

Bà H xác nhận mối quan hệ giữa bà và bà V đúng như bà V trình bày. Tuy nhiên bà H không đồng ý số tiền còn nợ như tại Hợp đồng vay tiền ngày 26/6/2020.

Bà H chỉ thừa nhận bà có vay bà V 02 lần mỗi lần 6.000.000 đồng, tổng cộng 12.000.000 đồng gốc. Lãi suất hai bên thỏa thuận: cứ 1.000.000 đồng là trả 200.000 đồng/tháng, tuy nhiên số tiền lãi suất cụ thể bà H đã trả cho bà V bao nhiêu thì bà không nhớ. Lúc đó, hai bên không thỏa thuận là thời hạn vay tiền, chỉ nói miệng, mục đích là để tôi sử dụng vào công việc riêng của bà H.

Ngày 26/6/2020, bà V nói bà H cùng đến Văn phòng công chứng để chốt nợ cùng bà V thì bà có đi cùng và ký tên vào Hợp đồng vay tiền như bà V trình bày nhưng không nhận khoản tiền nào. Bản chất của số tiền 84.500.000 đồng là tiền lãi chồng lãi chứ không phải là tiền vay. Khi ký hợp đồng thì bà có đọc lại và ký tên nhưng không biết cụ thể do bị bà V lừa.

Thực ra, bà H và gia đình đã trả cho bà V được hơn 100.000.000 đồng tiền lãi nhưng không có giấy tờ gì cả. Trong quá trình vay, ngày 30/11/2019, bà V có ghi cho bà H giấy tay để tổng kết nợ gốc và lãi của khoản vay 12.000.000 đồng thành 47.000.000 đồng; đã trả 20.000.000 đồng, còn nợ số tiền là 27.000.000 đồng. nên bà H xác nhận chỉ còn nợ bà V 27.000.000 đồng. Tuy nhiên bà không đồng ý trả thêm bất kỳ khoản tiền nào cho bà V nữa.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Phạm Minh H là chồng bà V, xác nhận số tiền bà V cho bà H vay là

tiền riêng bà V, không phải tài sản chung vợ chồng nên ông không liên quan gì.

+ Ông Nguyễn Tấn T là chồng bà H, ông không biết gì về việc vay tiền giữa bà V và bà H. Ông xác định số tiền này là tiền bà H vay riêng, không liên quan đến ông nên không có yêu cầu gì trong vụ án này.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Nguyên đơn bà Trần Lâm Thảo V giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bị đơn trả số tiền gốc còn nợ là 84.500.000 đồng, không yêu cầu trả lãi.

- Bị đơn bà Võ Thị H không đồng ý trả nợ theo yêu cầu nguyên đơn.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Phạm Minh H, ông Nguyễn Tấn T xác định sự việc vay mượn riêng của bà V, bà H, không liên quan đến các ông nên không có yêu cầu gì trong vụ án này.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đất Đỏ có quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý đến thu thập chứng cứ và hòa giải, đối chất.

Về nội dung: Căn cứ vào chứng cứ do bà V cung cấp đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của bà V, buộc bà H phải trả cho bà V số tiền là 84.500.000 đồng.

Về án phí: đề nghị bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp: Tranh chấp giữa nguyên đơn bà Trần Lâm Thảo V và bị đơn bà Võ Thị H được xác định là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Các đương sự hiện cư trú tại huyện Đất Đỏ nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ được quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu của nguyên đơn:

Bà V khởi kiện yêu cầu bà H trả khoản tiền gốc và lãi còn nợ là 84.500.000 đồng (Tám mươi tư triệu năm trăm nghìn đồng). Chứng cứ bà V cung cấp là Hợp đồng vay tiền ngày 26/6/2020 tại Văn phòng công chứng Lam Sơn, số công chứng 776, quyển số 01 TP/CC-SCC/HĐGD. Bà V trình bày, số tiền cho vay này là tổng cộng nhiều lần bà H đến nhà bà V nhận tiền tại nhà bà V mà có.

Bà H trình bày thực chất bà có vay bà V 02 lần mỗi lần 6.000.000 đồng, tổng cộng 12.000.000 đồng tiền gốc. Lãi suất hai bên thỏa thuận: cứ 1.000.000 đồng là trả 200.000 đồng/tháng, tuy nhiên số tiền lãi suất cụ thể bà H đã trả cho bà V bao nhiêu thì bà không nhớ. Ngày 30/11/2019, bà V có ghi cho bà H giấy tay để tổng kết nợ gốc và lãi của khoản vay 12.000.000 đồng thành 47.000.000 đồng; đã trả 20.000.000 đồng, còn nợ số tiền là 27.000.000 đồng. nên bà H xác nhận chỉ còn nợ bà V 27.000.000 đồng nhưng bà H không đồng ý trả. Riêng Hợp đồng vay tiền

ngày 26/6/2020 tại Văn phòng công chứng Lam Sơn bà ký tên nhưng không hiểu biết gì về nội dung. Sau khi về nhà, bà biết việc bà V lừa bà ký tên nhưng bà không đề nghị bà V làm rõ cho đến khi bà V khởi kiện. Chứng cứ bà H cung cấp là các giấy tay có tiêu đề: “Ngày mượn tiền 30/11/2019” (không có chữ ký) và giấy xác nhận nợ ngày 30/11/2019 có chữ ký của bà V, bà H.

Quá trình tố tụng, Tòa án nhiều lần mời các bên đương sự đến làm việc, hòa giải, đối chất nhưng đều không thống nhất được số nợ và nghĩa vụ trả tiền.

Xét chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là Hợp đồng vay tiền ký tại Văn phòng công chứng Lam Sơn, thể hiện sự tự nguyện thỏa thuận giao kết hợp đồng, tại thời điểm công chứng, các bên có năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật và các bên giao kết đã đọc lại toàn bộ dự thảo hợp đồng, đồng ý nội dung và đã ký trước mặt công chứng viên. Vì vậy, hợp đồng này có giá trị pháp lý và ràng buộc nghĩa vụ thực hiện giữa các bên.

Xét chứng cứ do bị đơn cung cấp là các bản viết tay, không có chữ ký và nguyên đơn không thừa nhận. Tại biên bản đối chất, bà H trình bày đã trả lãi hơn 100.000.000 đồng nhưng không có chứng cứ chứng minh cũng như không có yêu cầu gì. Bà H cho rằng việc ký Hợp đồng vay tiền là do bị bà V lừa dối nhưng bà cũng không cung cấp được chứng cứ.

Từ những phân tích trên có cơ sở xác định hiện bà H đang nợ bà V số tiền 84.500.000đ (Tám mươi tư triệu năm trăm nghìn đồng) theo Hợp đồng vay tiền ngày 26/6/2020 tại Văn phòng công chứng Lam Sơn, số công chứng 776, quyền số 01 TP/CC-SCC/HĐGD. Do đó việc bà V khởi kiện yêu cầu bà H phải thanh toán số tiền gốc còn nợ 84.500.000đ (Tám mươi tư triệu năm trăm nghìn đồng) là có căn cứ nên chấp nhận.

Ông H là chồng bà V; ông T là chồng bà H, cùng xác nhận khoản tiền này là việc vay nợ cá nhân, không phải tài sản chung của vợ chồng và không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Bà H phải chịu án phí có giá ngạch được tính trên số tiền phải trả cho bà V theo qui định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Lâm Thảo V về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với bà Võ Thị H.

1. Buộc bà Võ Thị H thanh toán cho bà Trần Lâm Thảo V số tiền nợ 84.500.000đ (Tám mươi tư triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả

thêm khoản tiền lãi chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

2. Về án phí: Bà Võ Thị H phải nộp 4.225.000đ (Bốn triệu hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Trần Lâm Thảo V số tiền 2.112.500đ (Hai triệu một trăm mười hai nghìn năm trăm đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009587 ngày 15/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo đối với Bản án: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Đối với người vắng mặt thì thời hạn này tính từ ngày nhận bản sao bản án hoặc bản sao bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện Đất Đỏ;
- Chi cục THA DS huyện Đất Đỏ;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

TRẦN THỊ MỸ DUNG